

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ THÁI

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN (Số: 375)

- Số và ký hiệu văn bản đến: 931/CP-ĐS ngày 01 tháng 7 năm 2016
- Tên cơ quan ban hành văn bản: Tổng công ty ĐS & VT Nam
- Nơi xử lý văn bản: ông Giám đốc CP Ngày trình 04.7.2016 Người trình (ký): [Signature]

NỘI DUNG XỬ LÝ:

- Kg: - HQT;
- Ban GD; Ban KS.
 - Phòng KT & HQT ĐS.
nguyên văn thực hiện.
 - K&BSIT.

KẾT QUẢ XỬ LÝ:

4/7/2016
[Signature]

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về điều tra, phân tích sự cố, tai nạn
và công tác tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt**

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định 175/2013/NĐ-CP ngày 13/10/2013 của Chính phủ; Nghị định số 69/2015/NĐ-CP ngày 26/8/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04/8/2009 của Bộ GTVT quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ GTVT bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư 15/2009/TT-BGTVT;

Căn cứ quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về ban hành Quy chế về quản lý an toàn giao thông đường sắt;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban An toàn giao thông đường sắt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định điều tra, phân tích sự cố, tai nạn và công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông đường sắt” của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây về điều tra, phân tích sự cố, tai nạn và tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông đường sắt.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Giám đốc các Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Giám đốc Trung tâm điều hành vận giao thông tải đường sắt; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại các Công ty: cổ phần vận tải đường sắt, cổ phần đường sắt, cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt, các doanh nghiệp khác và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GTVT (b/c);
- Cục ĐSVN (b/c);
- ĐU, HĐTV TCT ĐSVN (b/c);
- KSV TCT ĐSVN;
- Các PTGD TCT ĐSVN (để chỉ đạo);
- CD, ĐTN TCT;
- Lưu: VT, ATGT(05b)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tá Tùng

QUY ĐỊNH

Về điều tra, phân tích sự cố, tai nạn
và công tác tổ chức cứu nạn, cứu hộ giao thông đường sắt
(Ban hành kèm quyết định số 931/QĐ-ĐS ngày 1 tháng 1 năm 2016
của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này xác định trình tự và nội dung các bước thực hiện trong công tác điều tra, phân tích sự cố, tai nạn và công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông đường sắt, khi có sự cố, tai nạn xảy ra trên mạng đường sắt quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng công ty đường sắt Việt Nam (TCT ĐSVN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ điều tra, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông đường sắt.
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sự cố, tai nạn và công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông đường sắt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sự cố giao thông đường sắt* là những vụ việc xảy ra trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt gây trở ngại đến chạy tàu nhưng chưa xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.
2. *Tai nạn giao thông đường sắt* là việc phương tiện giao thông đường sắt xảy ra đâm nhau, trật bánh, đổ tàu, đâm, va vào người, phương tiện giao thông khác và ngược lại hoặc phương tiện giao thông đường sắt đang hoạt động đâm, va chướng ngại vật gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản.
3. *Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt (CNTCT)* là các đơn vị trực thuộc Tổng công ty ĐSVN, bao gồm: các Chi nhánh Khai thác đường sắt (CNKTĐS), Chi nhánh ga Đồng Đăng và các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy (CNXNĐM).

Điều 4. Nguyên tắc điều tra, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và phân tích công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn

1. Tuân thủ Luật Đường sắt, các văn bản quy định về giải quyết sự cố, tai

nạn giao thông đường sắt của Bộ giao thông vận tải và các văn bản hiện hành của Tổng công ty ĐSVN.

2. Tất cả các sự cố, tai nạn và công tác cứu hộ, cứu nạn đều phải được điều tra, phân tích xác định nguyên nhân, quy kết trách nhiệm. Quá trình điều tra, phân tích và kết luận phải đảm bảo kịp thời, khách quan, trung thực.

3. Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN giao Giám đốc CNKTĐDS sở tại chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện điều tra, phân tích nguyên nhân sự cố, tai nạn và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN về kết quả điều tra, phân tích. Trường hợp vụ sự cố, tai nạn có yếu tố sai phạm thuộc CNKTĐDS thì giao Trưởng ban an toàn giao thông đường sắt (ATGTĐDS) là người chủ trì phân tích.

4. Ban ATGTĐDS chủ trì, phối hợp với các Ban chuyên môn của Tổng công ty chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các CNKTĐDS thực hiện quá trình điều tra, phân tích.

5. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ sự cố, tai nạn phải chấp hành sự phân công của Giám đốc CNKTĐDS bảo vệ hiện trường, cung cấp thông tin, tài liệu, nhân chứng, vật chứng và có trách nhiệm tham gia lập hồ sơ sự cố, tai nạn khi có yêu cầu.

6. Hiện trường vụ sự cố, tai nạn cần bảo vệ:

a) Kết cấu hạ tầng:

- Về cầu, đường sắt từ điểm đầu tiên bánh xe rơi xuống về phía đầu đoàn tàu 15m (đã bị phá hoại do hậu quả tai nạn) và về phía ngược lại hướng tàu chạy 300m (khu vực không bị phá hoại do hậu quả tai nạn).

- Về thông tin tín hiệu: Trạng thái biểu thị trên thiết bị đài không chế, màn hình điều khiển, đài điều khiển tại ga, tủ điều khiển đường ngang. Trạng thái biểu thị của các tín hiệu liên quan. Các thiết bị ghi dữ liệu của hệ thống thông tin tín hiệu liên quan đến sự cố, tai nạn.

b) Các chứng cứ liên quan đến sự cố, tai nạn.

c) Phương tiện giao thông đường sắt có liên quan đến sự cố, tai nạn.

d) Hộp đen (bộ phận ghi tốc độ) của đầu máy chính kéo tàu bị tai nạn.

7. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành vi làm sai lệch hiện trường, chỉ được sửa chữa khi được sự đồng ý của Người chủ trì điều tra sự cố, tai nạn. Nếu phát hiện tổ chức hoặc cá nhân nào tự ý sửa chữa, làm thay đổi hiện trường, tạo hiện trường giả gây khó khăn cho công tác điều tra, thì cơ quan điều tra lập biên bản và tổ chức, cá nhân đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về vụ sự cố, tai nạn.

8. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác điều tra lợi dụng nhiệm vụ được giao có hành vi sách nhiễu, gây phiền hà, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

9. Đối với những vụ tai nạn được thụ lý bởi các cơ quan bảo vệ pháp luật, các đơn vị liên quan đến vụ tai nạn có trách nhiệm cung cấp tài liệu, tạo điều kiện để cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn của người làm nhiệm vụ điều tra, phân tích sự cố, tai nạn và tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông đường sắt

1. Có nghiệp vụ chuyên môn theo các chuyên ngành đường sắt.
2. Có thời gian công tác trong ngành Đường sắt từ 05 năm trở lên.
3. Đã được tập huấn nghiệp vụ điều tra, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và phân tích quá trình tổ chức cứu hộ, cứu nạn giao thông đường sắt do Tổng công ty ĐSVN tổ chức.

Điều 6. Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ điều tra, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt

1. Dụng cụ đo cơ khí chuyên dùng: thước đo đường kính ngoài, trong; bộ căn lá; thước lá; thước mét.
2. Dụng cụ chuyên dùng khám nghiệm phương tiện: thước gang cách bánh xe, thước đo gờ bánh, thước đo đường kính bánh xe, thước đo chiều cao đầu dầm.
3. Dụng cụ khám nghiệm đường: thước đo cự ly, thủy bình, dụng cụ đo phương hướng đường cong, thước đo khe hở ray, thước đo độ mòn ray, thước đo độ treo của tà vẹt, búa 4mm đo khe hở lưỡi ghi.
4. Cân kiểm tra tải trọng phương tiện.
5. Các trang thiết bị hỗ trợ khác: Máy ảnh, máy quay phim, dụng cụ đánh dấu vị trí...

Các dụng cụ đo phải được hiệu chỉnh, kiểm định theo quy định hiện hành trước khi sử dụng.

Điều 7. Thống kê thiệt hại vụ sự cố, tai nạn

1. Các sự cố, tai nạn phải thống kê thiệt hại do sự cố tai nạn gây ra. Chậm nhất 10 ngày làm việc tính từ ngày xảy ra sự cố, tai nạn Chủ tịch Hội đồng giải quyết tai nạn phải tập hợp thiệt hại gửi về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban ATGTĐS).
2. Đối với thiệt hại về kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) sau khi khám nghiệm hiện trường Hội đồng giải quyết tai nạn phải thống kê trước khi sửa chữa.

Điều 8. Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn

Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn được Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN quyết định thành lập cho từng vụ sự cố, tai nạn gồm:

1. Chủ tịch hội đồng: Giám đốc CNKTĐS sở tại hoặc Trưởng Ban ATGTĐS.
2. Thư ký hội đồng: Lãnh đạo phòng tham mưu về công tác an toàn của CNKTĐS sở tại.
3. Các thành viên Hội đồng: đại diện Ban ATGTĐS và các Ban chuyên môn liên quan của Tổng công ty ĐSVN, lãnh đạo quản lý an toàn của CNKTĐS sở tại.
4. Căn cứ vào tính chất của vụ tai nạn Tổng giám đốc sẽ mời đại diện Cục ĐSVN tham gia Hội đồng theo quy định.

Điều 9. Kết luận nguyên nhân, quy trách nhiệm

Chủ tịch Hội đồng phân tích kết luận:

1. Nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn

- Căn cứ vào kết quả điều tra các yếu tố có sai phạm so với quy chuẩn, quy trình, quy định hiện hành của từng đối tượng liên quan đến sự cố, tai nạn.
- Căn cứ vào các ý kiến phân tích của các thành viên trong hội đồng trên cơ sở số liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra.
- Căn cứ tài liệu, giải trình của các cá nhân tổ chức liên quan đến sự cố, tai nạn.

2. Quy trách nhiệm của vụ sự cố, tai nạn:

- Trường hợp nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn do một đối tượng gây ra thì quy kết trách nhiệm cho đối tượng đó.
- Trường hợp nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn do sai phạm của nhiều đối tượng thì Chủ tịch hội đồng căn cứ vào mức độ sai phạm của từng đối tượng để quy trách nhiệm cho từng đối tượng tham gia.

Hội nghị phân tích chỉ quy trách nhiệm đến đơn vị quản lý sử dụng lao động; đơn vị sử dụng tài sản hoặc chủ phương tiện, thiết bị để xảy ra sự cố, tai nạn.

Chương II

TRÌNH TỰ ĐIỀU TRA, PHÂN TÍCH SỰ CỐ, TAI NẠN VÀ TỔ CHỨC CỨU HỘ, CỨU NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Mục I

HỒ SƠ SỰ CỐ, TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 10. Hồ sơ sự cố giao thông đường sắt

Hồ sơ bao gồm:

1. Biên bản sự cố giao thông đường sắt (mẫu số 1): do Trưởng tàu hoặc Lái tàu phụ trách đoàn tàu (nếu xảy ra ngoài khu gian); do Trưởng ga hoặc TBCT (nếu xảy ra trong ga) lập;
2. Báo cáo của nhân viên đường sắt (mẫu số 2);
3. Biên bản, giấy tờ khác có liên quan: báo cáo vận chuyển, nhật ký đoàn tàu, cảnh báo, bản sao mệnh lệnh điều độ, biên bản xác nhận chất lượng hãm...
4. Các chứng cứ tại hiện trường (nếu có): hình ảnh, ghi âm, vật chứng, tang vật được thu giữ tại hiện trường...

Điều 11. Hồ sơ tai nạn giao thông đường sắt

1. Đối với tai nạn đâm va phương tiện, va cán gạt người (do khách quan), hồ sơ gồm:
 - a) Biên bản vụ tai nạn (mẫu số 3): do Trưởng tàu hoặc Lái tàu phụ trách đoàn tàu (nếu xảy ra ngoài khu gian); do Trưởng ga hoặc TBCT (nếu xảy ra trong ga) lập;

- b) Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn (mẫu số 4);
- c) Báo cáo của nhân viên đường sắt (mẫu số 2);
- d) Báo cáo của người làm chứng (mẫu số 5);
- đ) Biên bản bàn giao (mẫu số 6);
- e) Các chứng từ, ấn chỉ liên quan đến đoàn tàu;
- g) Các chứng cứ gồm: chụp ảnh, ghi hình, ghi âm tại hiện trường, vật chứng, tang vật được thu giữ tại hiện trường ... (nếu có);

2. Đối với tai nạn do nguyên nhân chủ quan, hồ sơ gồm:

2.1. Hồ sơ ban đầu:

a) Biên bản vụ tai nạn (mẫu số 3): do Trưởng tàu hoặc Lái tàu phụ trách đoàn tàu (nếu xảy ra ngoài khu gian); do Trưởng ga hoặc TBCT (nếu xảy ra trong ga) lập;

- b) Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn (mẫu số 4);
- c) Báo cáo của nhân viên đường sắt (mẫu số 2);
- d) Báo cáo của người làm chứng (mẫu số 5);
- đ) Biên bản bàn giao (nếu có) (mẫu số 6);
- e) Các chứng từ, ấn chỉ liên quan đến đoàn tàu;
- g) Các chứng cứ gồm: chụp ảnh, ghi hình, ghi âm tại hiện trường, vật chứng, tang vật được thu giữ tại hiện trường ... (nếu có);

2.2. Hồ sơ điều tra:

- a) Biên bản khám nghiệm hiện trường (mẫu số 7);
- b) Biên bản khám nghiệm PTGTĐS (mẫu số 8);
- c) Biên bản kiểm tra tốc độ PTGTĐS (mẫu số 9);
- d) Biên bản kiểm tra hàng hóa (mẫu số 10);
- đ) Biên bản điều tra công tác điều hành vận tải;

Các biên bản trên do CNKTĐS chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan đến sự cố, tai nạn có mặt tại hiện trường lập.

Mục II

TRÌNH TỰ ĐIỀU TRA SỰ CỐ, TAI NẠN VÀ TỔ CHỨC CỨU HỘ, CỨU NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 12. Tiếp cận hiện trường

1. Giám đốc CNKTĐS căn cứ vị trí, địa điểm xảy ra sự cố, tai nạn phân công nhiệm vụ tạm thời cho Trưởng ga (hoặc Trục ban chạy tàu) hai ga đầu khu gian tiếp cận hiện trường: một người phụ trách công tác cứu nạn, cứu hộ; một người phụ trách công tác bảo vệ hiện trường, điều tra. Khi Chủ tịch Hội đồng giải quyết sự cố, tai nạn

đến hiện trường thì bàn giao lại cho Chủ tịch Hội đồng thực hiện các bước tiếp theo.

2. Cá nhân được giao nhiệm vụ điều tra phải khẩn trương tiếp cận, nắm bắt hiện trường theo các nội dung sau:

a) Xác định vị trí khởi điểm: là điểm đầu tiên gờ lờ bánh xe leo, đặt lên mặt ray; tụt xuống lòng đường hoặc nhảy ra ngoài ray.

b) Xác định đoạn đường bị phá hoại do sự cố, tai nạn: là đoạn đường tính từ điểm bánh xe rơi xuống đường đến điểm dừng của PTGTĐS.

c) Xác định phương tiện đầu tiên liên quan đến sự cố, tai nạn GTĐS để kiểm tra khám nghiệm.

d) Thu thập các chứng cứ, vật chứng của cầu đường và phương tiện tại hiện trường có liên quan đến sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

đ) Lập biên bản niêm phong thiết bị ghi tốc độ của đầu máy chính kéo tàu.

e) Tổng hợp tình hình hiện trường, xác định các nội dung tổ chức điều tra khám nghiệm.

Điều 13. Khám nghiệm hiện trường

1. Biên bản khám nghiệm hiện trường lập theo mẫu số 7.

2. Các bước thực hiện khám nghiệm như sau:

2.1. Khám nghiệm dấu vết tại hiện trường:

a) Thu thập chứng cứ: thu giữ toàn bộ các chứng ngại vật, vật tư, thiết bị của cầu đường, trang thiết bị, phụ tùng của phương tiện giao thông đường sắt rơi trước và sau khởi điểm (xác định rõ vị trí, trạng thái bằng sơ đồ, hình ảnh,...). Đặc biệt chú ý các trường hợp sau:

- Trường hợp các chứng ngại vật trên đường sắt (phụ kiện nối giữ, tấm đan, đá...) hoặc thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt rơi xuống đường có dấu hiệu va, cán thì phải khám nghiệm dấu vết trên chứng ngại vật, dấu vết trên ray, dấu vết trên phương tiện... và lập biên bản, thu giữ, bảo quản theo quy định.

- Trường hợp các thiết bị, phụ tùng của phương tiện giao thông đường sắt rơi thu giữ được phải xác định của phương tiện nào và vị trí, trạng thái liên kết của chúng.

b) Xác định dấu vết tại khởi điểm: điểm leo, điểm nhảy của bánh xe trên ray, điểm rơi, điểm tụt của bánh xe trên nền, lòng đường sắt (vết đập trên mặt tà vẹt, vết đập ở phụ kiện liên kết ...); vết leo của bánh xe trên ray (dấu vết cà, vết cọ xước trên ray, ở đầu lập lách); vết tụt, vết rơi của bánh xe trong lòng, nền đường sắt, phụ kiện liên kết,...

c) Kiểm tra xác định sơ bộ tình trạng chất lượng đường tại điểm khởi điểm và phía trước của khởi điểm (phía ngược hướng đoàn tàu): về chất lượng ray, tà vẹt, nền đường, nền đá, phối kiện...

Đặc biệt chú ý khám nghiệm kỹ những dấu vết va chạm bất thường, vật chứng tại hiện trường và phải được mô tả chi tiết cụ thể ghi vào biên bản (sơ đồ, hình ảnh... để mô tả) vì đây là những chứng cứ rất quan trọng có thể xác định được ngay nguyên nhân hoặc để định hướng điều tra tìm nguyên nhân.

2.2. Xác định phương tiện giao thông đường sắt đầu tiên liên quan đến sự cố, tai nạn trong đoàn tàu:

a) Đối với trường hợp va cán chướng ngại vật thì căn cứ vật chứng và dấu vết để lại trên phương tiện xác định phương tiện đầu tiên liên quan đến sự cố, tai nạn.

b) Đối với trường hợp không va cán, từ dấu vết của gờ bánh xe xuống: phụ kiện nổi giữ, tà vẹt, nền đường; kết hợp dấu vết va đập, dấu vết để lại trên gờ bánh, mặt lăn bánh xe để xác định xe bị trật đầu tiên.

c) Kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt đầu tiên liên quan đến sự cố, tai nạn ngay tại hiện trường:

- Xem xét các bộ phận, chi tiết của phương tiện về sự thiếu, mất, gãy hỏng.

- Xác định, mô tả các dấu vết để lại trên các bộ phận, chi tiết. Đặc biệt chú ý những dấu vết có trước tai nạn.

2.3. Trường hợp sau khi thu thập, kiểm tra, xác định: các dấu vết, vật chứng về đường, phương tiện giao thông đường sắt; tác nghiệp của nhân viên làm công tác chạy tàu mà có bằng chứng rõ ràng xác định được nguyên nhân gây ra sự cố, tai nạn (do va cán chướng ngại trên đường, các chi tiết phương tiện giao thông đường sắt rơi hoặc chống xuống ray, tà vẹt, hoặc do vi phạm qui trình tác nghiệp của các nhân viên làm công tác chạy tàu). Hội đồng tiến hành lập biên bản kết luận nguyên nhân, trách nhiệm tại hiện trường không cần tiến hành các bước điều tra tiếp theo.

2.4. Đối với các vụ tai nạn phương tiện giao thông đường sắt bánh xe tụt vào lòng đường thì kiểm tra các nội dung sau để làm căn cứ xác định nguyên nhân:

a) Về đường: cự ly ray (05 điểm đo), phụ kiện nổi giữ của đường (trong phạm vi 15m) từ điểm tụt về phía ngược lại hướng đoàn tàu;

b) Về phương tiện: giang cách, chiều rộng mặt lăn, chiều dày gờ bánh xe của trục bánh bị tụt vào lòng đường;

c) Về tốc độ phương tiện: đọc tốc độ của đầu máy chính kéo tàu trên thiết bị ghi, lưu tốc độ;

d) Nếu phương tiện có chở hàng thì kiểm tra tổng trọng toa xe.

2.5. Kiểm tra khám nghiệm cầu, đường.

Tiến hành khảo sát, đo đạc đường chiều dài tối thiểu bằng chiều dài của đoàn tàu, tối đa 300m, tính từ điểm khởi điểm tai nạn trở về phía ngược lại hướng đoàn tàu chạy (phần đường đoàn tàu đã chạy qua không bị hư hỏng do tai nạn).

a) Về cự ly, thủy bình: 03 mét đo 01 điểm, điểm số 01 là khởi điểm của sự cố, tai nạn (thủy bình, cự ly đo cùng một điểm).

b) Về cao thấp và các thông số khác đo theo cách đo được quy định trong quy trình bảo trì KCHTĐS hiện hành.

c) Về phương hướng đường cong:

- Khởi điểm vụ tai nạn nằm trong cong tròn thì tiến hành kéo dây cung đo phương hướng đường cong, điểm đặt dây từ khởi điểm vụ tai nạn ngược lại hướng

đoàn tàu, đến đường cong nổi đo đúng điểm đo kế hoạch ghi trên ray.

- Khởi điểm vụ tai nạn nằm trong đường cong nổi thì tiến hành kéo dây cung đo phương hướng đường cong, điểm đặt dây tại điểm kế hoạch gần khởi điểm nhất ngược lại hướng của đoàn tàu.

d) Trường hợp tai nạn xảy ra mà trước khởi điểm (trong phạm vi điều tra) có một hoặc nhiều bộ ghi thì phải tiến hành kiểm tra, đo đặc tuần tự cả phần đường và ghi theo qui định (các điểm đo của ghi theo quy định kiểm tra ghi) và phải ghi rõ trong biên bản khám nghiệm.

đ) Kiểm tra về chất lượng ray, tà vẹt, nền đường, nền đá, phụ kiện nối giữ...

Khi cần thiết phải kiểm tra trạng thái treo của tà vẹt mà không có thiết bị chuyên dùng thì thực hiện theo phương pháp sau: Tháo rời các bu lông suốt của thanh tà vẹt tại điểm cần phải kiểm tra để tà vẹt không còn liên kết với ray, cho đoàn tàu hoặc đầu máy chạy qua với vận tốc từ 10 - 15km/h ít nhất một lần, đo khoảng cách từ đế ray đến mặt trên của tà vẹt hoặc mặt trên của đệm cả hai ray để xác định độ treo của tà vẹt (đặc biệt chú ý những điểm gần với điểm khởi điểm tai nạn và tùy thuộc vào trạng thái đường để đo các điểm cần thiết). Sau đó từ điểm đo trạng thái treo của tà vẹt cách 03m về cả hai phía đo thủy bình ở trạng thái tĩnh để tính biến đổi về thủy bình.

Toàn bộ các số liệu được ghi chi tiết, chính xác vào biên bản khám nghiệm hiện trường (mẫu số 07)

2.6. Khám nghiệm trạng thái làm việc của các thiết bị thông tin tín hiệu liên quan đến sự cố, tai nạn.

2.7. Trường hợp tai nạn xảy ra trên ghi thì phải khám nghiệm các nội dung như sau:

- a) Kiểm tra hộp khóa điện ghi (đối với ghi bộ khóa điện).
- b) Kiểm tra động cơ quay ghi.
- c) Kiểm tra mạch điện đường ray.
- d) Kiểm tra khe hở giữa lưỡi ghi và ray cơ bản, kiểm tra độ mở của lưỡi ghi, kiểm tra độ rơi của các bu lông bắt thanh giằng số 1 với lưỡi ghi.
- đ) Kiểm tra các ốc nối và các thanh đạo quản, trụ quay và bàn gang của ghi.
- e) Kiểm tra tại các điểm đo trên ghi (không kiểm tra các điểm đã bị phá hoại).
- g) Kiểm tra thao tác của nhân viên gác ghi, trực ban chạy tàu ga.

2.8. Kiểm tra sổ ghi chép của Cung cầu, đường, thông tin tín hiệu gồm: sổ kiểm tra đường cong; sổ kiểm tra ghi; sổ phân công công tác hàng ngày của Cung trưởng; sổ kiểm tra Cung trưởng; sổ hoặc biên bản nghiệm thu tháng, quý; sổ mệnh lệnh; kết quả sửa chữa sau áp máy, sau kiểm tra, sổ kiểm tra thiết bị và các sổ sách khác liên quan đến vụ tai nạn nếu thấy cần thiết.

Điều 14. Khám nghiệm phương tiện giao thông đường sắt

1. Đưa phương tiện giao thông đường sắt cần khám nghiệm về địa điểm phù hợp để tổ chức đo đạc, kiểm tra các tiêu chuẩn kỹ thuật của phương tiện giao thông đường sắt. Yêu cầu phương tiện khám nghiệm phải được đặt trên đoạn đường bằng, thẳng để đảm bảo tính chính xác.

2. Lập biên bản khám nghiệm phương tiện (theo mẫu số 08).

3. Các bước thực hiện khám nghiệm như sau:

3.1. Khi chưa ky giải thể:

a) Kiểm tra ghi lại thời hạn sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ của phương tiện giao thông đường sắt;

b) Kiểm tra bộ phận đầu đâm móc nối.

c) Kiểm tra trạng thái của bàn trượt.

d) Kiểm tra chiều cao của các tổ lò xo (trung ương, hộp trục) ở trạng thái có tải hoặc dưới tự trọng của phương tiện; kiểm tra độ nghiêng lệch của xà nhún.

đ) Đối với giá chuyển hướng sử dụng lò xo đệm không khí, cấp gió đúng tiêu chuẩn: đo chiều cao lò xo không khí; kiểm tra xác định trạng thái làm việc của hệ thống cấp gió cho lò xo không khí, kiểm tra hoạt động của các van cấp, xả gió (LV3) van cân bằng (DP3).

e) Kiểm tra các chi tiết của bộ phận chạy (giá chuyển hướng) và xà bệ xe xem có dấu vết va chạm hoặc tiếp xúc, tỳ, cọ vào nhau trong quá trình vận hành hay không.

g) Kiểm tra các kích thước, hạn độ của các chi tiết giá chuyển hướng, các chi tiết trên thùng bệ xe (chi tiết buồng thông) xem có vi phạm quy định hay không.

3.2. Giải thể phương tiện giao thông đường sắt:

a) Kiểm tra trạng thái thùng bệ xe.

b) Kiểm tra độ hở của xà nhún so với khung giá chuyển hướng (theo hai chiều dọc xe và dọc trục).

c) Kiểm tra toàn bộ các thông số kỹ thuật của đôi trục bánh xe.

d) Kiểm tra các thông số kỹ thuật của hộp trục (bao gồm các kích thước của các chi tiết trong hộp trục kể cả các độ rơ, độ hở lắp ráp...)

đ) Kiểm tra các thông số kỹ thuật của lò xo, xác định quy cách, chủng loại lò xo kể cả phương thức lắp ráp lò xo. Trường hợp cần thiết phải đưa lò xo vào kiểm tra bằng thiết bị chuyên dùng.

e) Đối với giá chuyển hướng sử dụng lò xo đệm không khí: đo chiều cao lò xo không khí; kiểm tra xác định trạng thái làm việc các van cấp, xả gió của đệm lò xo không khí (van LV3) bằng thiết bị chuyên dùng.

g) Kiểm tra giảm chấn: tùy loại giảm chấn để đưa ra các phương pháp kiểm tra cho phù hợp (giảm chấn có làm việc bình thường không, giảm chấn có bị cong, gãy, kẹt, mất tác dụng không...).

h) Kiểm tra còi chuyển hướng.

i) Kiểm tra trạng thái bàn trượt.

j) Kiểm tra trạng thái khung giá chuyển hướng (cong vênh, vặn xoắn).

Điều 15. Kiểm tra xác định tốc độ của phương tiện giao thông đường sắt bị nạn

1. Tốc độ của phương tiện được xác định thông qua tốc độ của đầu máy chính kéo tàu.

2. Kiểm tra trạng thái niêm phong hộp đen trên đầu máy, xác định tốc độ của đầu máy trong khu gian trước thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn. Dữ liệu tốc độ đầu máy được lập biên bản (theo mẫu số 09).

Điều 16. Kiểm tra tải trọng

1. Kiểm tra tổng trọng, chủng loại hàng hóa xếp trong toa xe.

2. Kiểm tra trạng thái hàng hóa và qui cách gia cố hàng xếp trên toa xe.

Điều 17. Kiểm tra công tác điều hành chạy tàu

1. Kiểm tra công tác điều hành chạy tàu: việc tổ chức chạy tàu của điều độ chạy tàu, mệnh lệnh chạy tàu.

2. Kiểm tra tác nghiệp đón, tiễn, tránh, vượt, dồn tàu, lập tàu của các chức danh trực tiếp phục vụ chạy tàu.

Điều 18. Báo cáo của nhân viên đường sắt có liên quan

1. Tùy từng sự cố, tai nạn cụ thể cơ quan điều tra yêu cầu nhân viên đường sắt có liên quan báo cáo.

2. Nội dung báo cáo phải làm rõ diễn biến, nguyên nhân vụ việc, việc thực hiện các tác nghiệp của họ trước, trong và sau khi vụ việc xảy ra.

Điều 19. Điều tra công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn

1. Xác định thời gian báo tin sự cố, tai nạn tới Trung tâm ĐHGTVTĐS.

2. Thời gian phát các mệnh lệnh tổ chức cứu hộ, cứu nạn từ Trung tâm ĐHGTVTĐS đến các đơn vị liên quan.

3. Công tác tổ chức lập, chạy tàu cứu hộ, cứu nạn.

4. Các tác nghiệp cứu hộ, cứu nạn (cứu hộ phương tiện và sửa chữa cầu đường).

5. Công tác liên hiệp lao động trong quá trình tổ chức cứu chữa khắc phục giao thông đường sắt.

6. Báo cáo của Chủ tịch hội đồng giải quyết tai nạn.

Mục III

TỔ CHỨC PHÂN TÍCH

Điều 20. Thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn

1. Khi kết thúc điều tra CNKTĐS gửi bản sao hồ sơ về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban ATGTĐS). Ban ATGTĐS rà soát hồ sơ và tham mưu Tổng giám đốc Tổng công ty thành lập Hội đồng phân tích.

2. Hội đồng phân tích có trách nhiệm: nghiên cứu hồ sơ, tập hợp chứng cứ, xin ý kiến chuyên gia, họp trừ bị nếu cần. Quyết định thời gian và chuẩn bị các nội dung liên quan để mở hội nghị phân tích.

Điều 21. Tổ chức phân tích sự cố, tai nạn

1. Họp trừ bị (nếu cần): trước khi mở hội nghị phân tích chính thức, Chủ tịch Hội đồng phân tích mời các thành viên trong hội đồng và có thể mời chuyên gia tham dự để tìm nguyên nhân vụ sự cố, tai nạn.

2. Thành phần Hội nghị phân tích:

a) Hội đồng phân tích: được thành lập theo Điều 8 của quy định này. Trong trường hợp thành viên Hội đồng không có điều kiện để tham dự hội nghị, thì phải có ý kiến về nội dung công việc phụ trách của mình và có ý kiến của Trưởng ban phụ trách bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng.

b) Các thành viên tham dự: đại diện các đơn vị, cá nhân liên quan đến sự cố, tai nạn.

3. Nội dung tổ chức phân tích:

a) Đại diện đơn vị chủ trì điều tra đọc báo cáo tóm tắt về vụ tai nạn, thiệt hại về người và vật chất, kết quả điều tra (nêu rõ các bằng chứng, các số liệu sai phạm của các yếu tố liên quan), đề xuất nguyên nhân vụ tai nạn.

b) Các thành viên tham dự căn cứ báo cáo để tham gia phát biểu và khi phát biểu phải nêu quan điểm của mình về nguyên nhân dẫn đến tai nạn.

c) Sau khi nghe ý kiến của các thành viên, người chủ trì kết luận:

- Nguyên nhân gây tai nạn.

- Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan đến vụ tai nạn.

- Đánh giá quá trình (chuỗi thời gian) tổ chức cứu chữa tai nạn. Trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong công tác tổ chức cứu chữa tai nạn.

- Đề xuất các biện pháp khắc phục trước mắt, lâu dài và biện pháp ngăn chặn phòng ngừa, nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu tối đa số vụ sự cố, tai nạn GTĐS tương tự.

d) Lập biên bản họp phân tích để làm căn cứ thông báo kết quả phân tích, các thành viên trong Hội đồng phân tích đều phải ký vào biên bản.

4. Quy định về thời gian tổ chức phân tích:

Trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn phải tiến hành tổ chức họp phân tích (trừ trường hợp đặc biệt).

Điều 22. Thông báo kết quả điều tra, phân tích

1. Sau khi tổ chức họp phân tích, trong thời gian 03 ngày CNKTĐS có trách nhiệm gửi toàn bộ hồ sơ vụ sự cố, tai nạn về Ban ATGTĐS (bản sao có chứng thực của đơn vị chủ trì điều tra, phân tích). Căn cứ kết quả hội nghị phân tích Ban ATGTĐS ra thông báo kết luận theo nội dung. Cụ thể:

a) Tóm tắt vụ tai nạn.

b) Tóm tắt nội dung công tác điều tra.

c) Phân tích nguyên nhân vụ tai nạn, thiệt hại về người và vật chất do vụ tai nạn gây ra.

d) Kết luận vụ tai nạn:

- Nguyên nhân gây tai nạn (nguyên nhân chính, liên đới); Trách nhiệm của các đơn vị (kể cả bồi hoàn về kinh tế).

- Công tác tổ chức giải quyết tai nạn (tổ chức điều hành thực hiện cứu hộ, cứu nạn và công tác trực tiếp thực hiện việc cứu hộ, cứu nạn): Rút kinh nghiệm các tồn tại, đề ra các biện pháp khắc phục.

đ) Đề xuất các biện pháp ngăn ngừa tai nạn (nếu có).

2. Nơi gửi thông báo:

- Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN;

- Các Ban chuyên môn của Tổng công ty ĐSVN;

- Các đơn vị có liên quan đến vụ tai nạn để thực hiện;

- Các đơn vị khác liên quan trong Tổng công ty ĐSVN để biết và rút kinh nghiệm.

Điều 23. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo kết luận, các đơn vị nếu có khiếu nại thì gửi văn bản về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban ATGTĐS) để giải quyết.

2. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản khiếu nại Tổng công ty ĐSVN có văn bản trả lời.

Điều 24. Lưu trữ và sử dụng hồ sơ sự cố, tai nạn

1. Đơn vị thụ lý hồ sơ có trách nhiệm lưu giữ bản gốc và bản sao lưu tại Ban ATGTĐS.

2. Khi các cơ quan chức năng có nhu cầu sử dụng hồ sơ thì đơn vị quản lý hồ sơ gốc có trách nhiệm cung cấp hồ sơ (bản sao), ghi vào biên bản bàn giao và lưu giữ tại đơn vị.

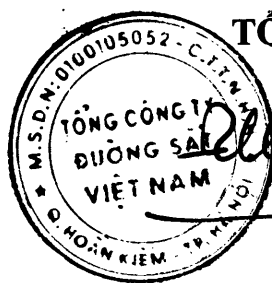
Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25.

1. Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thi hành quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có điểm nào chưa phù hợp, các đơn vị tập hợp ý kiến gửi về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban ATGTĐS) để xem xét điều chỉnh, sửa đổi./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tá Tùng

Các mẫu biên bản, báo cáo, sơ đồ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt
(Ban hành kèm quyết định số 931/QĐ-ĐS ngày 1 tháng 7 năm 2016
của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vào hồi giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ... tại.....

1,.....	Chức vụ.....	Đơn vị.....
2,.....	Chức vụ.....	Đơn vị.....
3,.....	Chức vụ.....	Đơn vị.....
4,.....	Chức vụ.....	Đơn vị.....

Đoàn tàu.....do đầu máy.....kéo, gồm.....xe, tổng trọng.....tấn, đến
km.....khu gian.....thuộc xã (phường).....huyện (quận).....tỉnh
(TP).....xuất phát tại ga.....lúc...giờ...phút...ngày.....tháng...Năm.....đã
xảy ra sự cố.

[illegible]

.....

III. Biện pháp giải quyết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

IV. Trách nhiệm:

.....

.....

.....

.....

.....

V. Đề xuất, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

Biên bản lập xong lúc....giờ...phút, ngày....tháng...năm..., đã đọc cho mọi người nghe thống nhất và ký tên dưới đây.

CÁC BÊN THAM GIA

(Ký và ghi rõ họ tên)

1/

2/

3/

4/

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2 - Báo cáo của nhân viên đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CỦA NHÂN VIÊN ĐƯỜNG SẮT

1. Họ và tên người báo cáo:

- Chức vụ:

- Đơn vị công tác:.....

2. Đoàn tàudo đầu máy..... kéo, gồm.....xe, đến
km khu gian..... thuộc xã (phường) huyện
(quận)..... tỉnh (TP), xảy ra vụ tai nạn (sự cố)
lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm....., thời tiết lúc xảy ra tai
nạn (sự cố).....

3. Khái quát tình hình vụ việc:

This image shows a single sheet of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary-ruled notebook paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Tôi cam đoan bản báo cáo trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm

Người báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3 - Biên bản vụ tai nạn

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN VỤ TAI NẠN

Tên vụ tai nạn:

Vụ tai nạn xảy ra lúc...giờ...Phút, ngày....tháng...năm..., tại km.....Khu
gian.....thuộc xã (phường).....huyện (quận).....tỉnh (TP)

Vào hồi ... giờ..... phút, ngày.....tháng.....năm.....; tại:

Chúng tôi gồm:

- 1,Chức vụ.....Đơn vị.....
- 2,Chức vụ.....Đơn vị.....
- 3,Chức vụ.....Đơn vị.....
- 4,Chức vụ.....Đơn vị.....
- 5,Chức vụ.....Đơn vị.....
- 6,Chức vụ.....Đơn vị.....

Đã đến tận nơi xảy ra tai nạn tiến hành kiểm tra hiện trường, ghi lại kết quả
như sau:

I. Khái quát tình hình:

- Đoàn tàu.....do đầu máy.....kéo, gồm.....xe, tổng trọng.....tấn; lái
tàu:....., phụ lái tàu....., trưởng tàu.....thời tiết lúc
xảy ra tai nạn:

Sơ bộ tình hình tai nạn.....
.....
.....
.....

- Thu giữ tang vật:.....
.....
.....

- Số liệu đo đạc:

+Về đường:.....
.....

+Về toa xe:.....
.....
.....

+Về đầu máy:
.....
.....

- Dấu vết liên quan đến con người (tình trạng, vị trí):.....
.....
.....

II. Sơ bộ thiệt hại:

- Về người (*Ghi họ tên nạn nhân, địa chỉ, tình trạng thương tích, giấy tờ, tài sản...*):

.....
.....
.....

- Về đầu máy:

- Về toa xe:
.....
.....

- Về cầu đường:.....

.....
.....
.....

- Các công trình và thiết bị khác:

.....
.....
.....

Thời gian bế tắc chính tuyến:....., Thời gian chậm tàu

III. Kết luận sơ bộ (nguyên nhân và trách nhiệm):.....

.....
.....
.....

Biên bản được lập xong lúc.....giờ.....phút, ngày...../...../....., đã đọc cho những người có liên quan nghe, công nhận đúng và cùng ký tên.

Các thành phần tham gia:

(ký ghi rõ họ tên)

Người chủ trì lập

(ký ghi rõ họ tên)

1/

2/

3/

4/

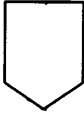
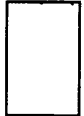
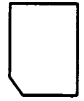
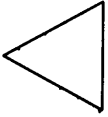
Mẫu số 4 - Sơ đồ vụ tai nạn

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ VỤ TAI NẠN

Vụ tai nạn GTDS xảy ra vào hồi giờ phút, ngày.....tháng.....năm.....tại km.....khu
gian.....thuộc xã (phường).....huyện (quận).....tỉnh (TP) ;
Đoàn tàu: do đầu máy ... kéo, gồm. xe, tổng trọng tấn, xuất phát tại ga lúc... giờ ... phút, ngày ...
tháng Năm

SƠ HOẠ HIỆN TRƯỜNG VỤ TAI NẠN				
Ga:.....	(Sơ họa hiện trường nơi xảy ra tai nạn)			Ga:.....
				
Đầu máy	Toa xe	Vị trí nạn nhân	Phương tiện, chứng ngại	Súc vật

Ghi chú: Sơ đồ này được kèm theo biên bản vụ tai nạn .

NGƯỜI VẼ SƠ ĐỒ
(ký ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5 - Báo cáo của người chứng kiến nhưng không liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI CHỨNG KIẾN

1. Họ và tên người báo cáo:

Địa chỉ:

Số chứng minh thư:.....

2. Vụ tai nạn xảy ra lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....,
tài kmkhu gianthuộc xã
(phường).....huyện (quận).....tỉnh (TP)
thời tiết lúc xảy ra tai nạn.....

3. Khái quát tình hình vụ việc:

This image shows a single page of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Tôi cam đoan bản báo cáo trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

Ngày.....tháng.....năm

Người báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 6 - Biên bản bàn giao

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....tại (địa điểm bàn giao).....

Cùng thống nhất lập biên bản bàn giao về người trong vụ tai nạn giao thông đường sắt, xảy ra lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....tại km.....khu gian.....thuộc xã (phường).....huyện (quận).....tỉnh (TP)....., gồm những nội dung sau:

1. Bên giao:

- Họ và tên: chức vụ:.....
- Đơn vị công tác:.....

2. Bên nhận:

- Họ và tên: chức vụ:.....
- Đơn vị công tác:.....

3. Nội dung bàn giao:

a. Về người (ghi rõ họ tên nạn nhân, địa chỉ, tình trạng thương tích, giấy tờ tùy thân):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

b. Tư trang, hành lý của nạn nhân (nếu có):.....

.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong lúc.....giờ.....phút, được lập thành 2 bản có giá trị như nhau, đã đọc cho các bên liên quan nghe, công nhận đúng và cùng nhau ký tên dưới đây.

BÊN NHẬN
(ký tên và đóng dấu)

BÊN GIAO
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 7 - Biên bản khám nghiệm hiện trường

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

Tên vụ tai nạn:

Xảy ra hồi.....giờ phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại Km Khu gian

Tuyến đường sắt:

Hôm nay hồi.....giờ.....phút, ngày tháng năm

Chúng tôi gồm:

1. Ông:..... Chức vụ Đơn vị
2. Ông:..... Chức vụ Đơn vị
3. Ông:..... Chức vụ Đơn vị
4. Ông:..... Chức vụ Đơn vị
5. Ông:..... Chức vụ Đơn vị
6. Ông:..... Chức vụ Đơn vị
7. Ông:..... Chức vụ Đơn vị

I. KHÁI QUÁT VỤ VIỆC: (Ghi thứ tự: Số hiệu tàu, số hiệu đầu máy, số lượng toa xe, tổng trọng đoàn tàu, họ và tên người, đơn vị liên quan, kế hoạch chạy tàu, sơ bộ nội dung vụ việc xảy ra, và tình hình thời tiết):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

II. DẤU VẾT HIỆN TRƯỜNG VÀ SỐ LIỆU KHÁM NGHIỆM:

1. Phần dấu vết hiện trường: (Mô tả cụ thể dấu vết hiện trường và vẽ sơ đồ kèm theo)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Phần đầu máy: (Khám sơ bộ chủ yếu kiểm tra, ghi chép số hiệu đầu máy, sự thiếu, đủ, kéo, cán miết của thiết bị đầu máy có liên quan đến vụ việc):

.....

.....

.....

.....

3. Phần toa xe: (Khám sơ bộ chủ yếu kiểm tra, ghi chép số hiệu toa xe thông số tải trọng, đặt sửa chữa định kỳ, sự thiếu, đủ, kéo, cán miết của thiết bị toa xe có liên quan đến vụ việc):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Phần chỉ huy chạy tàu và hàng hóa: (Kiểm tra, ghi chép phần liên quan):

.....

.....

.....

.....

5. Phần thông tin tín hiệu: (Kiểm tra, ghi chép phần liên quan):

.....

.....

.....

6. Phần đường:

- Số liệu đường cong, ghi, nền đường, nền đá, phụ kiện nối giữ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Khám tỉ mỉ: đo từ khởi điểm ngược lại hướng tàu chạy 300 mét (đo 03 mét/1 điểm):

S TT	Cự ly		Thủy bình		Ghi chú	S TT	Cự ly		Thủy bình		Ghi chú
	TK	TT	TK	TT			TK	TT	TK	TT	
01						51					
02						52					
03						53					
04						54					
05						55					
06						56					
07						57					
08						58					
09						59					
10						60					
11						61					
12						62					
13						63					
14						64					
15						65					
16						66					
17						67					
18						68					
19						69					
20						70					
21						71					
22						72					
23						73					
24						74					
25						75					
26						76					
27						77					
28						78					
29						79					
30						80					
31						81					
32						82					
33						83					
34						84					
35						85					
36						86					
37						87					
38						88					
39						89					
40						90					
41						91					
42						92					
43						93					
44						94					
45						95					
46						96					
47						97					
48						98					
49						99					
50						100					

III. THỐNG KÊ SƠ BỘ THIẾT HẠI:

1. Phần đầu máy:

.....
.....
.....

2. Phần toa xe:

.....
.....
.....

3. Phần cầu đường và thông tin tín hiệu:

.....
.....
.....
.....

4. Phần vận tải: (Giờ bế tắc giao thông, số tàu chậm, chuyển tải, bãi bỏ, số người chết, bị thương...)

.....
.....
.....

IV. KẾT LUẬN SƠ BỘ: (Nguyên nhân và trách nhiệm)

.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong lúcgiờ.....phút, ngàytháng năm
đã đọc lại cho Hội đồng cùng nghe, công nhận đúng và thống nhất ký tên.

Thành phần tham gia:

(ký và ghi rõ họ tên)

Người chủ trì lập

(ký và ghi rõ họ tên)

- 1/
- 2/
- 3/
- 4/
- 5/
- 6/
- 7/

Mẫu số 8 - Biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

Tai nạn tại Km Khu gian:

Tuyến đường sắt:

Xảy ra hồi.....giờphút, ngày.....tháng.....năm.....

Hôm nay, hồi.....giờ.....phút, ngày tháng năm

Chúng tôi gồm:

1. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
2. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
3. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
4. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
5. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
6. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
7. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
8. Ông:..... Chức vụ: Đơn vị:
Đã tiến hành khám nghiệm kỹ thuật toa xe tại:.....
.....

I/ CỤ THỂ SỐ LIỆU NHƯ SAU (các số đo đơn vị tính bằng mm):

1. Date sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ:

- Toa xe số:.....SCL:.....SCN:.....
- KH:..... KM:..... BM (LD):.....

2. Bộ phận đầu đâm móc nối:

TT	Nội dung khám nghiệm	Đầu số 1	Đầu số 2
1	Độ hở trên mặt cổ móc với mặt dưới khung bệ xung kích		
2	Tổng độ hở hai bên cổ móc với thành khung bệ xung kích		
3	Tình trạng hoạt động của móc nối		

3. Độ hở bàn trượt (loại có độ hở):

- Loại: ☐ Mặt bằng ☐ Con lăn
- Độ hở phía hộp trục (1-3):..... Độ hở phía hộp trục (2-4):.....
- Độ hở phía hộp trục (5-7):..... Độ hở phía hộp trục (6-8):.....

4. Khám nghiệm lò xo ở trạng thái hạ xe (đo chiều cao lò xo-có tải hoặc không tải):

4.1. Lò xo trung ương:

- Đối với toa xe hàng (đo chiều cao tổ lò xo trung ương).
- Đối với toa xe khách (đo độ hở mặt trên xà nhún với mặt dưới của khung giá chuyển):

Chiều cao tổ lò xo TW hoặc độ hở mặt trên xà nhún với khung giá (mm)	Đầu xà nhún phía hộp trục (1-3)	Đầu xà nhún phía hộp trục (2-4)	Đầu xà nhún phía hộp trục (5-7)	Đầu xà nhún phía hộp trục (6-8)

4.2. Lò xo hộp trục (đo chiều cao lò xo – đơn vị tính mm):

Vị trí	Hộp trục 1	Hộp trục 2	Hộp trục 3	Hộp trục 4	Hộp trục 5	Hộp trục 6	Hộp trục 7	Hộp trục 8
Phía ngoài								
Phía trong								

5. Kiểm tra xác định các dấu vết của thùng bộ xe và của bộ phận chạy:

.....

.....

.....

6. Kiểm tra xác định các chi tiết buồng thông trên thùng bộ xe, các chi tiết của bộ phận chạy so với mặt ray:

.....

.....

.....

7. Độ hở xà nhún với khung trượt xà nhún (mm):

Vị trí theo hộp trục	Tổng độ hở theo chiều dọc xe	Tổng độ hở theo chiều dọc trục
Đầu xà nhún phía hộp trục 1-3		
Đầu xà nhún phía hộp trục 2-4		
Đầu xà nhún phía hộp trục 5-7		
Đầu xà nhún phía hộp trục 6-8		

Tình hình xà nhún, tôn chống mòn:.....

.....

.....

.....

.....

8. Thông số bộ trục bánh xe:

8.1. Khoảng cách 2 mặt trong đai hoặc vành bánh xe:

Vị trí đo	Trục số 1	Trục số 2	Trục số 3	Trục số 4
Điểm số 1				
Điểm số 2				
Điểm số 3				

- Kiểm tra dấu vết sơn xê dịch giữa bánh xe và trục xe:
-
-
-

8.2. Các thông số kỹ thuật của bánh xe:

Thứ tự bánh xe	Cao gờ	Dày gờ	Dày đai (vành)	Rộng đai (vành)	Đường kính b.xe
Bánh xe số 1					
Bánh xe số 2					
Bánh xe số 3					
Bánh xe số 4					
Bánh xe số 5					
Bánh xe số 6					
Bánh xe số 7					
Bánh xe số 8					

9. Kiểm tra độ hở lắp ráp của hộp trục với khung giá (rãnh trượt hộp trục):

Vị trí hộp trục	Tổng độ hở theo chiều dọc xe (mm)	Tổng độ hở theo chiều dọc trục(mm)
Hộp trục số 1		
Hộp trục số 2		
Hộp trục số 3		
Hộp trục số 4		
Hộp trục số 5		
Hộp trục số 6		
Hộp trục số 7		
Hộp trục số 8		

10. Kiểm tra độ hở lắp ráp đệm trung gian (adapter) với khung giá, đệm trung gian với ca bi hoặc độ hở lắp ráp giữa cút xi nê với hộp trục, cút xi nê với cổ trục (mm):

Thứ tự hộp trục	Tổng độ hở giữa đệm trung gian với mang trượt má giá (tổng độ hở giữa cút xi nê với hộp trục)		Tổng độ hở lắp ráp giữa Adapter với cabi (cút xi nê với cổ trục)		
	Dọc trục	Dọc xe	Dài cabi (dài cổ trục)	Dọc trong A (dài cút xi nê)	Độ hở lắp ráp
Hộp trục số 1					
Hộp trục số 2					
Hộp trục số 3					
Hộp trục số 4					
Hộp trục số 5					
Hộp trục số 6					
Hộp trục số 7					
Hộp trục số 8					

- Tình trạng hộp dầu, hộp trục, đệm trung gian, cút xi nê:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

11. Đo giải thể lò xo:

Vị trí của lò xo	Lò xo ngoài			Lò xo ruột		
	Cao	Dn	Dd	Cao	Dn	Dd
Lò xo 1N						
Lò xo 1T						
Lò xo 3N						
Lò xo 3T						
Lò xo 2N						
Lò xo 2T						
Lò xo 4N						
Lò xo 4T						
Lò xo 5N						
Lò xo 5T						
Lò xo 7N						
Lò xo 7T						
Lò xo 6N						
Lò xo 6T						
Lò xo 8N						
Lò xo 8T						

- Tình trạng các lò xo, dấu vết:

.....

.....

12. Cối chuyển hướng:

Vị trí cối chuyển	Đường kính		Dày	Cao (sâu)	Đường kính lỗ ắc		Đường kính rôn		Đường kính lỗ rôn		Dày rôn	Cao rôn	Đường kính ắc
	Dọc xe	Dọc trục			Dọc xe	Dọc trục	Dọc xe	Dọc trục	Dọc xe	Dọc trục			
Cối số 1 dưới													
Cối số 1 trên													
Cối số 2 dưới													
Cối số 2 trên													

Tình trạng cối chuyển, ắc cối:

.....

.....

13. Kiểm tra trang trí hãm giá chuyển (đủ, thiếu, hư hỏng, nguyên nhân):

.....

.....

.....

14. Khám nghiệm giảm chấn:

- Loại giảm chấn: ☐ Ma sát ☐ Thủy lực
- Giảm chấn thủy lực: kiểm tra dung năng chấn thủy lực bằng thiết bị chuyên dùng (có biên bản riêng);
- Giảm chấn ma sát mô tả bề mặt làm việc:.....

.....

.....

.....

15. Khám nghiệm bàn trượt:

- Loại bàn trượt: ☐ Có độ hở ☐ Chịu lực
- Bề mặt làm việc các bàn trượt:.....

.....

.....

.....

- Đường kính chỏm cầu: (mm); Chiều cao chỏm cầu: (mm)

16. Khám nghiệm thùng bệ:

.....

.....

.....

17. Khám nghiệm khung giá chuyển:

.....

.....

.....

18. Các vấn đề khác (thiết bị hư hỏng do hậu quả hoặc do chất lượng):

.....

.....

.....

II/ KẾT LUẬN:

.....

.....

.....

.....

Biên bản lập xong lúc giờ phút, ngày tháng năm
đã đọc cho mọi người cùng nghe và đồng ý ký tên./.

..... Ngày tháng năm

Thành phần tham gia:

(ký và ghi rõ họ tên)

1/

2/

3/

4/

5/

Người chủ trì biên bản

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 9 - Biên bản kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông đường sắt

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐỌC BẢNG TỐC ĐỘ

Đầu máy: kéo tàu bị tai nạn
.....

Tại Km khu gian:

Tuyến đường sắt:

Hôm nay hồi giờ phút, ngày tháng năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Chức vụ: Đơn vị: chủ trì

2. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

3. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

4. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

5. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

Tiến hành đọc bảng ghi tốc độ máy kéo tàu

bị tai nạn

tại Km khu gian

ngày tháng năm

gồm những nội dung sau:

- Đồng hồ tốc độ còn nguyên niêm phong do cơ quan điều tra niêm phong tại ga: (hoặc biên bản thu giữ băng riêng).

- Hội đồng tiến hành kiểm tra: trên băng có chữ ký đại diện:

.....

1/ Kiểm tra niêm phong:

(Trước khi lấy băng ghi tốc độ kiểm tra phải tiến hành kiểm tra niêm phong đồng hồ tốc độ do cơ quan điều tra niêm phong tại hiện trường vụ tai nạn. Trường hợp băng ghi tốc độ đã được lấy ra tại hiện trường cũng phải được niêm phong lại, trước khi đọc băng niêm phong phải còn nguyên vẹn).

2/ Đọc băng:

Hành trình đoàn tàu xuất phát tại ga:

.....

.....

đến Km (địa điểm tai nạn). Tốc độ của đoàn tàu thể hiện trên băng

đúng với tốc độ cho phép trong công lệnh tốc độ

Tốc độ cao nhất trước thời điểm tai nạn tại Km thể hiện

trên băng là:

Các điểm đoàn tàu dừng thể hiện trên băng cơ báo.

3/ Kết luận:

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong lúc giờ phút, ngày tháng năm
đã đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất ký tên./.

Thành phần tham gia:
(ký và ghi rõ họ tên)

Người chủ trì lập
(ký và ghi rõ họ tên)

1/

2/

3/

4/

5/

Mẫu số 10 - Biên bản kiểm tra tải trọng

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

BIÊN BẢN

Kiểm tra tải trọng xếp hàng trên toa xe

Hội.....giờngày.....tháng.....năm 200....

Chúng tôi đoàn kiểm tra gồm có:

1. Chức vụ..... Đơn vị.....
2. Chức vụ..... Đơn vị.....
3. Chức vụ..... Đơn vị.....
4. Chức vụ..... Đơn vị.....
5. Chức vụ..... Đơn vị.....

Đã tiến hành kiểm tra tải trọng xếp hàng trên toa xe tại:

Số liệu kiểm tra cụ thể như sau:

T T	Số hiệu toa xe	Số liệu thành xe			Trọng tải vận đơn	Trọng tải cân thực tế	Ga đi	Ga đến	Tên hàng	Ghi chú
		Tự trọng	Trọng tải	Tổng trọng						
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
25										

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản được lập xong lúcgiờngàytháng.....năm 200...
Đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, xác nhận đúng
và cùng ký tên.

Thành phần tham gia:
(ký và ghi rõ họ tên)

1/

2/

3/

4/

5/

Người chủ trì lập
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 11 - Biên bản kiểm tra van điều chỉnh độ cao LV3 và van chênh áp DP3

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA VAN ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO LV-3
VÀ VAN CHÊNH ÁP DP-3**

Hôm nay, vào lúc giờ phút, ngày tháng năm

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
2. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
3. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
4. Ông: Chức vụ: Đơn vị:
5. Ông: Chức vụ: Đơn vị:

Cùng nhau kiểm tra van điều chỉnh độ cao LV-3 và van chênh áp DP-3 của toa xe số:
..... bị tai nạn ngày tháng năm

Tại Km khu gian:

Kết quả như sau:

1/ Van điều chỉnh độ cao LV-3:

STT	Số hiệu van	h1 chiều cao bắt đầu cấp (mm)	h2 chiều cao bắt đầu xả (mm)	$\Delta h = h1 + h2$ (mm)	t1 thời gian bắt đầu cấp (s)	t2 thời gian bắt đầu xả (s)	t3 thời gian tăng áp suất từ 0÷2at (s)	t4 thời gian giảm áp suất từ 5÷3at (s)	Kết luận
01									
02									
03									
04									

2/ Van chênh áp DP-3:

STT	Số hiệu van	Kết quả thử nghiệm lần 1	Kết quả thử nghiệm lần 2	Kết quả thử nghiệm lần 3	Kết luận
01					
02					

Các thành phần tham gia
(ký và ghi rõ họ tên)

- 1/
2/

Người chủ trì
(ký và ghi rõ họ tên)

